TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/HS-ST
Ngày 24 - 11 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Len;

Ông Đặng Võ Luyện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký TAND tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đối với :

*** Bị cáo: VŨ THỊ H** sinh ngày 25/11/1977 tại xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn T, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 4/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Vũ Duy I (đã chết) và bà Bùi Thị X (đã chết); bị bắt tạm giam ngày 24/6/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình (Có mặt).

*** Người làm chứng:**

- Anh Vũ Văn L sinh năm 1980

Trú tại: thôn T, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình.

- Anh Hoàng Đức T3 sinh năm 1994.

Trú tại: thôn V, xã T4, huyện T2, tỉnh Thái Bình.

- Anh Vũ Văn N sinh năm 1995.

Nơi ĐKHKTT: tổ dân phố T5, thị trấn T2, huyện T2, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Số 6B, ngách 53, ngõ 193, phố N1, tổ 10, phường L, quận H1, thành phố Hà Nội.

- Anh Lại Quang D sinh năm 1974.

Trú tại: thôn Đ, xã T, huyện T2, tỉnh Thái Bình.

- Chị Tô Thị H2 sinh năm 1968.

Trú tại: tổ 2, thị trấn T2, huyện T2, tỉnh Thái Bình

(Anh T3, anh L, anh D, anh N, chị H2 đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1998, Vũ Thị H vượt biên trái phép đến sinh sống và lao động tại thành phố S, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Quá trình sinh sống, lao động tại Trung Quốc, H quen ông chủ người Trung Quốc có các xưởng sản xuất đồ gia dụng (đến nay H không nhớ họ tên, địa chỉ người đàn ông này), ông này nói với H là đang cần người lao động là người Việt Nam sang làm việc với mức lương từ 2000 nhân dân tệ (NDT) đến 3000 NDT/1 tháng, chủ bao ăn, ở tại xưởng.

Khoảng tháng 5 năm 2012, lần thứ nhất Vũ Thị H trở về Việt Nam bằng cách vượt biên trái phép qua sông Ka Long thuộc vùng biên giới giữa tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam và tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Trong quá trình vượt biên, H quen một người phụ nữ khoảng 30 tuổi ở thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (đến nay H không nhớ tên, số điện thoại và địa chỉ) có "đường dây" đưa người Việt Nam vượt biên sang Trung Quốc, người phụ nữ này cho H số điện thoại và nói với H khi nào có nhu cầu vượt biên sang Trung Quốc thì liên hệ, chị ta sẽ đưa vượt biên đến nơi an toàn, chi phí vượt biên từ M, tỉnh Quảng Ninh thành phố S, tỉnh Quang Đông, Trung Quốc là 5.000.000 đồng/người.

Trong thời gian ở nhà tại thôn T, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình, khoảng tháng 6 năm 2012, H gặp chị Ngô Thị M1 là vợ anh Vũ Văn L (anh L là em trai H) và được chị M1 cho biết là anh L đang ở trong Miền Nam, không có công việc ổn định, kinh tế rất khó khăn nên H đã gọi điện thoại cho anh L, tư vấn cho anh L vượt biên trái phép sang Trung Quốc lao động thu nhập từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng, chi phí H lo, anh L chỉ việc mang quần áo, không cần phải mang căn cước công dân; anh L đồng ý. Sau đó ít ngày, anh L từ Miền Nam trở về nhà tại thôn T, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình để chuẩn bị cùng H sang Trung Quốc. Khoảng giữa tháng 7 năm 2012, H cùng anh L đi xe khách từ huyện T2 đi đến thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, khoảng 15 giờ cùng ngày thì đến thành phố M; H gọi điện thoại cho người phụ nữ đưa người vượt biên đến đón H và L. Khoảng 10 phút sau, có một người đàn ông khoảng 50 tuổi đi xe máy đến chở H và anh L đến nhà người phụ nữ dẫn vượt biên (nay H và anh L đều không nhớ địa chỉ chính xác). Tại đây, H nói với người phụ nữ là muốn đến thành phố S, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc, người phụ nữ này nói với H chi phí 5.000.000 đồng/1người, H đồng ý và đưa 10.000.000 đồng cho người phụ nữ (H tự bỏ tiền của mình để trả chi phí vượt biên cho cả anh L). Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, người phụ nữ chở H và L đi theo đường mòn ra bến đò tại bờ sông KaLong lên thuyền vượt biên giới Việt – Trung qua sông và đi ô tô đến thành phố S, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Sau đó,

H dẫn L đến gặp ông chủ người Trung Quốc. Ông chủ người Trung Quốc bố trí cho anh L ở tại tòa nhà 07 tầng là ký túc của Công ty thuê cho công nhân ở và được bố trí làm công việc mạ inox. Tháng 6/2014, anh L có nhu cầu về Việt Nam thăm gia đình nên nhờ H đưa về, được H liên hệ với một người đàn ông Trung Quốc (nay H không nhớ tên, địa chỉ của người đàn ông này) đưa anh L vượt biên về Việt Nam.

Khoảng tháng 6/2014, biết được H có khả năng đưa người Việt Nam sang Trung Quốc lao động, chị Tô Thị H2 là chị vợ của anh Vũ Văn Đ1, sinh năm 1982, nơi cư trú: số nhà 35, tổ 1, thị trấn T2, huyện T2 (anh Đ1 là em ruột H) gọi điện thoại nhờ H đưa sang Trung Quốc lao động; H nhận lời, rồi liên hệ với ông chủ nơi anh L đang làm việc để xin việc cho chị H2 và được ông này đồng ý. Sau đó, H báo cho chị H2 biết là đã xin cho chị H2 làm tại xưởng cùng với L, mức lương hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng mỗi tháng, chủ bao ăn, ở, hình thức đi sang Trung Quốc bằng vượt biên trái phép, chi phí hết 5.000.000 đồng do chị H2 trả trực tiếp cho người đưa vượt biên và khi sang làm việc thì mỗi tháng chị H2 phải trả cho H 200 NDT tiền công xin việc và lo các khoản chi phí phát sinh bên Trung Quốc; nếu chị H2 đồng ý thì H sẽ bố trí cho chị H2 đi cùng L; chị H2 đồng ý. Ít ngày sau, cũng trong tháng 6 năm 2014, anh L gọi điện thoại cho H thông báo chuẩn bị sang Trung Quốc nên H bảo anh L cho chị H2 đi cùng rồi cho anh L số điện thoại của người phụ nữ trước đó đã đưa H và anh L vượt biên sang Trung Quốc và dặn anh L khi nào đến thành phố M thì liên hệ với người này nói muốn đến thành phố S, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc thì sẽ được đưa đến nơi; anh L làm theo chỉ dẫn của H và đã cùng chị H2 vượt biên được sang Trung Quốc qua sông Ka Long như lần trước. Khi đến bến xe khách ở tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc, anh L gọi điện thoại bảo H ra đón; H thuê xe taxi đến đón và dẫn anh L và chị H2 về xưởng gặp ông chủ để bố trí việc làm cho H. Do chị H2 mới sang Trung Quốc nên H xin ông chủ sắp xếp cho chị H2 ở cùng chỗ anh L. Từ tháng 7 năm 2014 đến tháng 11 năm 2014, chị H2 đã nộp cho H mỗi tháng 200 NDT, tổng cộng là 800 NDT. Sau đó, chị H2 nói hoàn cảnh gia đình khó khăn nên H không thu tiền của H2 nữa.

Tháng 02 năm 2015, H lại vượt biên trái phép qua sông Ka Long về Việt Nam. Khi về Việt Nam, H đến quán cắt tóc "Hà Phong" do em ruột của H là Vũ Văn Đ1 làm chủ; tại đây, H gặp anh Vũ Văn N, là người đang học nghề cắt tóc tại quán của anh Đ1, H có nói với anh N là H quen ông chủ bên Trung Quốc đang cần người Việt Nam sang làm việc, công việc chủ yếu là sản xuất ghế salon, móc treo quần áo, mức lương từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, nếu tăng ca sẽ được thêm tiền, chủ bao ăn ở, cách thức đi sang Trung Quốc là vượt biên trái phép, chi

phí hết 5.000.000 đồng/ người. Khoảng tháng 5 năm 2015, khi H đang ở Trung Quốc, anh N gọi điện thoại nhờ H đưa sang Trung Quốc lao động, H thỏa thuận với anh N khi nào sang Trung Quốc làm việc, mỗi tháng anh N phải trả cho H 200 NDT tiền công xin việc, anh N đồng ý. H cho anh N số điện thoại của người phụ nữ ở M nhận đưa người vượt biên sang Trung Quốc và dặn anh N khi đến thành phố M thì liên hệ nhờ người này để đưa đến thành phố S, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Sau đó, anh N có gặp bạn là Hoàng Đức T3, anh N nói chuyện với anh T3 là anh N đang nhờ H đưa sang Trung Quốc lao động bằng cách vượt biên, H sẽ bố trí người đưa vượt biên với chi phí 5.000.000 đồng/người. Anh T3 đã nhờ anh N liên hệ với H cho anh T3 đi làm cùng, anh N nhận lời rồi gọi điện thoại cho H, nhờ H đưa anh T3 sang Trung Quốc lao động cùng N, H đồng ý. Khoảng tháng 6 năm 2015, anh N và anh T3 đi xe ô tô khách từ Bến xe T2, tỉnh Thái Bình ra thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Khi cả hai người đến thành phố M, anh N điện thoại thông báo cho H biết anh và anh T3 đã đến thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; chuẩn bị vượt biên sang Trung Quốc, dặn H chuẩn bị đón. H dặn anh N khi nào xe dừng tại thành phố S, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc thì liên hệ qua điện thoại, H sẽ qua đón. Sau đó, anh N làm theo chỉ dẫn của H: anh N gọi điện thoại cho người phụ nữ ở M rồi đi xe ôm vào nhà người này, sau đó người phụ nữ này bắt xe ôm chở anh T3 và anh N đi theo đường mòn đến khu vực sông Ka Long, anh N và anh T3 mỗi người nộp cho người phụ nữ này 5.000.000 đồng và được người phụ nữ này sắp xếp xuống đò đi qua sông Ka Long, sang bên kia sông thì có 1 người đàn ông người Trung Quốc chở hai anh bằng xe ba gác đi 1 đoạn đường mòn rồi chuyển lên 1 xe ô tô đi tiếp để tránh né qua chốt kiểm soát. Khi đến thành phố S, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc thì anh N và anh T3 được H đón và dẫn đến gặp ông chủ để xin việc; anh N và anh T3 được bố trí chỗ ăn ở. 04 tháng đầu tiên kể từ khi sang Trung Quốc lao động, anh N, anh T3 đều đã nộp cho H mỗi tháng 200NDT, tổng số tiền anh hai người này nộp cho H là 1.600 NDT; sau đó anh T3, anh N nói là lương thấp nên H không thu tiền của hai người này nữa.

Khoảng tháng 9/2015, H cùng bạn là anh H3 quê ở Quảng Ninh (H không biết họ, tên và địa chỉ chính xác) vượt biên trái phép về nhà H ở T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình chơi. Sau khi về nhà, H đến chơi tại quán cắt tóc của em ruột anh Vũ Văn Đ1 thì gặp anh Lại Trọng S1 (tên gọi khác Lại Đức T6) sinh năm 1982, địa chỉ xã T, huyện T2, tỉnh Thái Bình là bạn của anh Đ1; trong quá trình trò chuyện, H nói với anh S1 là H quen ông chủ bên Trung Quốc đang cần tìm người lao động, công việc chủ yếu là sản xuất ghế Salon, móc túi xách và móc treo quần áo, mức lương từ khoảng 2.000 NDT đến 3.000 NDT, nếu tăng ca thì sẽ được hưởng hơn, chủ bao ăn, ở; nếu có người nhà muốn đi thì gọi cho H, chi phí vượt biên là

5.000.000 đồng/người. Anh S1 nói lại cho em trai là anh Lại Quang D biết và bảo anh D là nếu anh D muốn đi thì anh S1 sẽ cho tiền đi. Do đang không có việc làm nên anh D đồng ý. Sau đó, anh S1 nhờ H đưa anh D sang Trung Quốc lao động. H có gọi điện thoại cho ông chủ người Trung Quốc xin việc cho anh D được người này đồng ý H đồng ý. Mấy ngày sau, H đến quán cắt tóc của anh Vũ Văn Đ1 thì gặp anh S1, anh S1 có đưa cho H số tiền 5.000.000 đồng, nhờ H lo cho anh D sang Trung Quốc, H nhận tiền xong, dặn anh S1 về nói với anh D chuẩn bị quần áo và tiền; khoảng 5 giờ sáng hôm sau có mặt tại ngã ba Ô, thị trấn T2 để đi cùng H, không cần chuẩn bị giấy tờ tùy thân. Khoảng 5 giờ sáng hôm sau, H cùng anh H3, anh D tập trung tại ngã ba Ô; H bắt xe ô tô khách chở 3 người đi đến thành phố M rồi liên hệ với người phụ nữ có "đường dây" đưa người vượt biên để người này ra đón. Khi gặp người phụ nữ này, H đã đưa cho anh H3 10.000.000 đồng (chi phí của H và anh D) để anh H3 đưa cho người phụ nữ đó để đưa H cùng và anh D vượt biên sang Trung Quốc. Lộ trình và cách thức H cùng hai người này vượt biên giới Việt - Trung qua sông K đến thành phố S, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc cũng như các lần trước. Đến nơi, H dẫn anh D đi gặp ông chủ để sắp xếp công việc, anh D được bố trí ở cùng với anh N, anh T3, anh H2 và anh L. Anh D lao động ở đó được khoảng 1 tháng, khi nhận được tiền lương, anh D trả cho H 200 NDT tiền công và đồng thời xin nghỉ việc, chuyển sang làm cho một xưởng cơ khí khác.

Đến khoảng tháng 10 năm 2015, H và anh L vượt biên trái phép về Việt Nam. Khoảng đầu năm 2016, chị H2, anh N, anh T3, anh D xin nghỉ việc vượt biên trái phép về Việt Nam về quê sinh sống thì bị phát hiện.

Cáo trạng số 69/CT-VKSTB ngày 30/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố Vũ Thị H về tội "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài " theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự

+ Đối với những người được Vũ Thị H tổ chức vượt biên trái phép sang Trung Quốc lao động đã vi phạm quy định về xuất, nhập cảnh. Xét thấy họ gặp khó khăn trong tìm kiếm việc làm, thu nhập; lần đầu vi phạm, việc trốn sang Trung Quốc để lao động, không có mục đích nào khác, chưa bị Cơ quan chức năng xử lý và đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thái Bình không đề nghị xử lý.

+ Đối với người đàn ông là chủ sử dụng lao động tại Trung Quốc, người phụ nữ tại thành phố M, tỉnh Quảng Ninh và một số người đàn ông Việt Nam đón đưa Vũ Thị H và những người lao động Việt Nam vượt biên giới Việt - Trung qua sông Ka Long tại thành phố M, tỉnh Quảng Ninh sang Trung Quốc. Quá trình điều tra không làm rõ được họ, tên, tuổi, địa chỉ của những người này nên Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thái Bình không có cơ sở để xác minh, xử lý.

+ Đối với anh Vũ Văn Đ1 sinh năm 1982, trú tại số nhà 35, tổ 01, thị trấn T2, huyện T2, tỉnh Thái Bình là em ruột của Vũ Thị H, biết H tổ chức cho một số người vượt biên giới Việt - Trung trốn sang Trung Quốc lao động. Căn cứ khoản 2 Điều 19 Bộ luật Hình sự Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thái Bình không xử lý về tội "Không tố giác tội phạm"

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Thị H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trong bản cáo trạng; đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo H và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Vũ Thị H phạm tội "*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài* ".

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự; các điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Thị H mức án từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù.

- Không phạt bổ sung đối với bị cáo H.

- Tịch thu số tiền bị cáo H đã thu lời bất chính là 2.600 NDT quy đổi ra tiền Việt Nam.

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo do kém hiểu biết nên đã phạm tội. Bị cáo chỉ nghĩ đơn giản là mọi người ở quê không có công ăn việc làm trong khi đó ông chủ bên Trung Quốc lại cần người làm, trả lương cao hơn so với làm ở Việt Nam nên bị cáo đã giới thiệu cho những người thân quen của mình rồi sắp xếp, hướng dẫn cho mọi người vượt biên trái phép sang Trung Quốc, chi phí vượt biên là 5.000.000 đồng/người do họ tự trả; bị cáo chỉ thu của họ ít tiền để lo công việc cho họ bên Trung Quốc. Khi bị bắt, bị cáo mới phẫu thuật cắt túi mật nên hiện sức khỏe còn rất yếu, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình; bị cáo hứa sẽ không bao giờ vi phạm pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng

hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo Vũ Thị H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra (Bút lục từ số 41 đến số 112) và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm:

- Công văn số 547/PA08 ngày 22/11/2021; Công văn số 700/PA08 ngày 08/8/2022 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Thái Bình cung cấp thông tin hộ chiếu, xuất nhập cảnh của Vũ Thị H, Vũ Văn L, Tô Thị Hà, Hoàng Đức T3, Vũ Văn N và Lại Quang D kết quả xác minh: Trong cơ sở dữ liệu của quản lý xuất nhập cảnh không thấy thông tin xuất nhập cảnh của 06 trường hợp trên (Bút lục từ số 215 đến số 218)

- Lời khai của những người làm chứng: anh Lại Quang D (Bút lục từ số 113 đến số 125); anh Vũ Văn L (Bút lục từ số 126 đến số 195); anh Hoàng Đức T3 (Bút lục số 146 đến số 166); anh Vũ Văn N (Bút lục từ số 167 đến số 174); chị Tô Thị H2 (Bút lục từ số 175 đến số 187); anh Vũ Văn Đ1 (Bút lục từ số 197 đến số 205); anh Lại Trọng S1 (Bút lục số 190 đến số 196)

- Quá trình điều tra bị cáo Vũ Thị H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án (Bút lục từ số 41 đến số 112).

[3] Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Chỉ vì muốn kiếm lời từ việc đưa người Việt Nam sang Trung Quốc lao động mà chi phí đi lại thấp, không phải làm thủ tục xuất nhập cảnh nên H đã lôi kéo người thân, người quen và tổ chức cho họ vượt biên trái phép sang Trung Quốc để lao động bất hợp pháp. Trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2012 đến tháng 9 năm 2015, bị cáo Vũ Thị H đã tư vấn và tổ chức 04 lần cho 05 người là các anh Vũ Văn L, Hoàng Đức T3, Vũ Văn N, Lại Quang D và chị Tô Thị H2 vượt biên trái phép bằng cách thuê người dẫn vượt biên qua đường mòn, lối mở, vượt sông Ka Long để trốn sang Trung Quốc. Bị cáo H đã thu của chị H2, anh N, anh T3 mỗi người 800 NDT, thu của anh D 200NDT; tổng cộng 2.600NDT.

[4] Hành vi của bị cáo Vũ Thị H đã phạm vào tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài"; hành vi phạm tội của bị cáo H xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 (ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung có hiệu lực thi hành) nhưng xét thấy Điều 349 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài" có lợi cho người phạm tội hơn so với Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999, nên căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017

của Ủy ban thường vụ quốc Hội về thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH 13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH 14, nên hành vi phạm tội của bị cáo H được áp dụng theo điểm b, c khoản 2 Điều 349 Bộ Luật Hình sự năm 2015 để xử lý; Vì vậy, bị cáo H phải chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 349 Bộ Luật Hình sự năm 2015.

[5] **Điều 349. Tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép**

1. Người nào tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 120 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

*b**) Phạm tội 02 lần trở lên;***

c) Đối với từ 05 người đến 10 người;

d) Có tính chất chuyên nghiệp;

đ) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

e) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Đối với 11 người trở lên;

b) Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên;

c) Làm chết người.

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào các quy định nhằm đảm bảo trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, xâm phạm đến hoạt động xuất nhập cảnh của cơ quan nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại vùng biên giới của Tổ quốc.

[7] Xét về nhân thân và về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy: bị cáo Vũ Thị H là người có nhân thân tốt, bị cáo không có tiền án, tiền sự; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, ngoài việc bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã bị cơ quan an ninh điều tra phát hiện - bị cáo đã tổ chức cho anh N, anh T3, anh D vượt biên trái phép sang Trung Quốc, bị cáo còn tự khai

ra hành vi trước đó bị cáo đã tổ chức cho anh L, chị H2 vượt biên trái phép sang Trung Quốc (Bút lục 71); ngày 17/11/2022, bị cáo đã nhờ em trai là anh Vũ Văn Đ1 tạm nộp 10.200.000 đồng về khoản thu lời bất chính và án phí hình sự; vì vậy cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Người phạm tội tự thú*" và "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; ngày 17/11/2022, bị cáo đã nhờ em trai là anh Vũ Văn Đ1 tạm nộp 10.200.000 đồng về khoản thu lời bất chính và án phí hình sự nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51Bộ luật Hình sự.

[8] Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo; tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội để thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[9] Các vấn đề khác: Đối với số tiền 2.600 NDT (*Hai nghìn sáu trăm nhân dân tệ*) quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mà Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tại thời điểm bị cáo H thu tiền của chị H2, anh N, anh T3, anh D bị cáo H đã thu được của chị Tô Thị H2, anh Vũ Văn N, anh Hoàng Đức T3, anh Lại Quang D bằng 8.959.140 đồng được xác định là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự nhưng được đối trừ vào 10.200.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp theo Biên lai thu tiền số 0002306 ngày 17/11/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

[10] Về án phí: Bị cáo Vũ Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được đối trừ vào 10.200.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp theo Biên lai thu tiền số 0002306 ngày 17/11/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Thị H phạm tội "*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b, c tại khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Vũ Thị H 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 24/6/2022.

3. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, tịch thu của bị cáo Vũ Thị H 8.959.140 đồng làm tròn bằng 8.959.000 đồng nhưng được đối trừ vào 10.200.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp theo Biên lai thu tiền số 0002306 ngày 17/11/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Vũ Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nhưng được đối trừ vào 10.200.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp theo Biên lai thu tiền số 0002306 ngày 17/11/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình; trả lại cho bị cáo Vũ Thị H 1.041.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Vũ Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 24/11/2022./.

Nơi nhận:
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an Thái Bình.
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh